TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/DS-PT
Ngày: 25-01/2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán, hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Hưng

Ông Lâm Thuận Tùng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 326/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán, hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 342/2023/QĐXX-PT ngày 30 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 364/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ C, ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (Theo Văn bản ủy quyền ngày 26/9/2023). (Có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn M: Luật sư Nguyễn Văn L - thuộc Văn phòng L10 Đoàn luật sư tỉnh K. Địa chỉ: G, H, kp. Nội Ô, TT. G, huyện G, tỉnh Kiên Giang. SĐT: 0919.522.244. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1966; nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang. (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Quang H:

1. Bà Phan Ngọc T, sinh năm 1967; (Có mặt)

2. Chị Nguyễn Phan Ngọc H1, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang. SĐT: 0948.780.820

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Quang N, sinh năm 1951; (Vắng mặt)

2. Ông Đặng Văn N1 (P), sinh năm 1973; (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang;

3. Hợp tác xã N11; Địa chỉ trụ sở: xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc T1 - Chủ nhiệm HTX. (Vắng mặt)

Các thành viên hợp tác xã bao gồm:

3.1. Ông Bùi Thiện T2, sinh năm 1958;

3.2. Ông Bùi Văn T3, sinh năm 1968;

3.3. Ông Bùi Văn T4, sinh năm 1969;

3.4. Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1951;

3.5. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954;

3.6. Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1950;

3.7. Nguyễn Văn P1, sinh năm 1950;

3.8. Nguyễn Văn D, sinh năm 1922;

3.9. Nguyễn Văn C, sinh năm 1933;

3.10. Nguyễn Văn N2, sinh năm 1949;

3.11. Lê Thị Thu H2, sinh năm 1962;

3.12. Hồ Văn Bé T5, sinh năm 1954;

3.13. Đường Văn T6, sinh năm 1970;

3.14. Nguyễn Anh V, sinh năm 1981;

3.15. Trần Văn M1, sinh năm 1969;

3.16. Thái Thị N3, sinh năm 1972;

3.17. Thái Văn K1, sinh năm 1928;

3.18. Lê Hùng D1, sinh năm 1963;

3.19. Nguyễn Văn N4, sinh năm 1945;

3.20. Đoàn Thị N5, sinh năm 1947;

3.21. Lê Văn Q, sinh năm 1966;

3.22. Nguyễn Văn D2, sinh năm 1967;

3.23. Trương Văn Đ2, sinh năm 1974;

3.24. Trịnh Thị B, sinh năm 1941;

3.25. Nguyễn Văn L1, sinh năm 1949;

3.26. Võ Văn T7, sinh năm 1965;

3.27. Trần Quốc T8, sinh năm 1970;

3.28. Thái Thiện T9, sinh năm 1971;

3.29. Nguyễn Thái H3, sinh năm 1975;

3.30. Bùi Văn T3, sinh năm 1968;

3.31. Nguyễn Văn B1, sinh năm 1946;

3.32. Huỳnh Văn Y, sinh năm 1945;

3.33. Trần Văn H4, sinh năm 1950;

3.34. Lê Trường S1, sinh năm 1947;

3.35. Nguyễn Văn H5, sinh năm 1936;

3.36. Nguyễn Văn T10, sinh năm 1927;

3.37. Lê Văn D3, sinh năm 1955;

3.38. Trần Ngọc M2, sinh năm 1964;

3.39. Võ Văn G, sinh năm 1948;

3.40. Võ Văn K2, sinh năm 1971;

3.41. Phan Thành C1, sinh năm 1971;

3.42. Võ Văn C2, sinh năm 1974;

3.43. Nguyễn Văn T11, sinh năm 1945;

3.44. Võ Thị Ú, sinh năm 1959;

3.45. Nguyễn Văn L2, sinh năm 1959;

3.46. Nguyễn Văn H6, sinh năm 1940;

3.47. Nguyễn Phước Â, sinh năm 1964;

3.48. Trần Văn L3, sinh năm 1967;

3.49. Nguyễn Văn D4, sinh năm 1967;

3.50. Trần Ngọc Á, sinh năm 1930;

3.51. Lê Văn T12, sinh năm 1930;

3.52. Võ Thị Mỹ K3, sinh năm 1958;

3.53. Trần Thị B2, sinh năm 1937;

3.54. Ngô Văn Đ3, sinh năm 1965;

3.55. Nguyễn Thị N6, sinh năm 1935;

3.56. Lê Văn P2, sinh năm 1972;

3.57. Võ Phú Q1, sinh năm 1960;

3.58. Võ Văn N7, sinh năm 1963;

3.59. Phạm Văn L4, sinh năm 1950;

3.60. Đặng Hoàng T13, sinh năm 1963;

3.61. Lê Văn Y1, sinh năm 1960;

3.62. Lê Văn N8, sinh năm 1946;

3.63. Trần Văn T14, sinh năm 1972;

3.64. Trần Xuân Q2, sinh năm 1962;

3.65. Phạm Thiện H7, sinh năm 1961;

3.66. Nguyễn Duy T15, sinh năm 1954;

3.67. Nguyễn Phương H8, sinh năm 1947;

3.68. Nguyễn Văn H9, sinh năm 1955;

3.69. Trần Văn Q3, sinh năm 1969;

3.70. Nguyễn Thị L5, sinh năm 1943;

3.71. Phạm Phước T16, sinh năm 1960;

3.72. Phạm Văn T17, sinh năm 1961;

3.73. Lê Văn T18, sinh năm 1968;

3.74. Huỳnh Văn P3, sinh năm 1966;

3.75. Nguyễn Minh H10, sinh năm 1960;

3.76. Nguyễn Quốc T19, sinh năm 1967;

3.77. Phạm Văn D5, sinh năm 1969;

3.78. Hồ Thanh T20, sinh năm 1978;

3.79. Lâm Văn L6, sinh năm 1949;

3.80. Trần Văn D6, sinh năm 1929;

3.81. Lê Quang D7, sinh năm 1969;

3.82. Trần Văn H11, sinh năm 1956;

3.83. Trần Văn D8, sinh năm 1952;

3.84. Lê Văn Đ4, sinh năm 1975;

3.85. Phạm Xuân T21, sinh năm 1969;

3.86. Lê Hữu T22, sinh năm 1943;

3.87. Nguyễn Thanh H12 (B3), sinh năm 1965;

3.88. Trần Tấn H13, sinh năm 1958;

3.89. Trần Thị Thu H14, sinh năm 1954;
3.90. Lý Thanh T23, sinh năm 1929;
3.91. Phan Văn T24, sinh năm 1932;
3.92. Bùi Thiện T2, sinh năm 1958;
3.93. Lê Hùng P4, sinh năm 1950;
3.94. Lâm Văn L7, sinh năm 1960;
3.95. Nguyễn Văn H15, sinh năm 1960;
3.96. Bùi Ngọc Bửu C3, sinh năm 1967;
3.97. Trần Văn H4, sinh năm 1950;
3.98. Ngô Văn H16, sinh năm 1930;
3.99. Dương Văn P5, sinh năm 1932;
3.100. Nguyễn Duy P6, sinh năm 1950;
3.101. Nguyễn Viết M3, sinh năm 1954;
3.102. Châu Ngọc G1, sinh năm 1971;
3.103. Phạm Thị S2, sinh năm 1953;
3.104. Nguyễn Văn H17
3.105. Trần Xuân H18, sinh năm 1941;
3.106. Đào Thị B4, sinh năm 1963;
3.107. Trần Văn R, sinh năm 1950;
3.108. Trần Hữu H19, sinh năm 1947;
3.109. Phan Văn P7, sinh năm 1941;
3.110. Phan Văn N9, sinh năm 1974;
3.111. Huỳnh Văn Đ5, sinh năm 1949;
3.112. Phan Văn K4, sinh năm 1932;
3.113. Nguyễn Viết M4, sinh năm 1967;
3.114. Tôn Kế M5, sinh năm 1976;
3.115. Phan Văn H20 (Mỹ), sinh năm 1972;
3.116. Mai Văn K5, sinh năm 1953;
3.117. Trương Thị Thúy H21, sinh năm 1975;
3.118. Trương Hoài P8, sinh năm 1971;
3.119. Trương Hoài P9, sinh năm 1970;
3.120. Trương Thanh H22, sinh năm 1945;
3.121. Trần Văn K6, sinh năm 1955;

3.122. Phan Minh N10, sinh năm 1954;

3.123. Võ Thành Đ6, sinh năm 1973;

3.124. Võ Văn L8, sinh năm 1975;

3.125. Thái Ngọc C4, sinh năm 1960;

3.126. Thái Thị M6, sinh năm 1957;

3.127. Nguyễn Văn L9, sinh năm 1937;

3.128. Đặng Văn M7, sinh năm 1964;

3.129. Hoàng Thị S3, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang;

Do có kháng cáo của bà Phan Ngọc T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Quang H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn của trình bày:

Ngày 10/8/2005 ông Nguyễn Quang H có ký hợp đồng mua bán nhiên liệu với ông Nguyễn Văn M - Doanh nghiệp tư nhân Khoe Mân, theo đó ông M đồng ý bán 20.000 lít đến 25.000 lít dầu và 600 lít nhớt cho ông H; thời gian giao nhận là ngày 10/8/2005 đến khi thu hoạch vụ Thu Đông năm 2005. Về thanh toán: ông H trả 50% số tiền mỗi lần nhận dầu, số dầu còn lại sẽ trả theo giá thời điểm lúc thanh toán với lãi suất 2%. Thời gian thanh toán hợp đồng là từ lần nhận dầu đợt cuối đến 1 tháng sau dứt điểm. Đến ngày 01/10/2005, hai bên ký tiếp hợp đồng bổ sung, theo đó ông M đồng ý bán cho ông H 5.000 lít dầu và 750 lít nhớt, điều kiện thanh toán như hợp đồng trên. Qua nhiều lần nhận dầu và thanh toán, đến nay ông H còn nợ ông số tiền dầu là 82.590.000 đồng. Trong thời gian trên, vào ngày 19/8/2005, ông H vay của ông số tiền là 50.000.000 đồng và lập Giấy biên nhận với nội dung: ông H thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Quang N để vay 50.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời gian hoàn trả lãi và vốn chậm nhất đến vụ thu hoạch Thu Đông năm 2005. Từ khi vay đến nay, ông H trả lãi cho ông được 3 lần với tổng số tiền là 7.500.000 đồng, còn vốn vay thì chưa trả. Tính cả hai khoản trên thì ông H còn nợ ông tổng cộng là 132.590.000 đồng. Vào ngày 17/01/2006 ông H23 có lập tờ cam kết xác nhận còn nợ ông M là 157.200.000 đồng và hẹn đến ngày 24/4/2006 sẽ hoàn trả dứt điểm. Nếu sai hẹn sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Do ông H không thực hiện cam kết nên ông M có đơn khởi kiện yêu cầu ông H phải thanh toán số tiền gốc là 147.400.000 đồng (157.200.000 đồng -9.800.000 đồng ông H đã trả) và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, ông M thay đổi nội dung khởi kiện với yêu cầu buộc ông H phải thanh toán tiền gốc là 133.000.000 đồng và lãi phát sinh của tiền mua bán dầu nhớt là 21.500.000 đồng, lãi phát sinh của tiền vay là 35.000.000 đồng nên tổng số tiền yêu cầu là 189.176.000 đồng, nhưng sau đó lại thay đổi nội dung khởi kiện với yêu cầu buộc ông H phải thanh toán tiền gốc là

132.590.000 đồng và lãi phát sinh là 2%/tháng, tính từ ngày 25/11/2005 cho đến khi xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông H chết. Ngày 30/10/2017 ông M tiếp tục yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Nguyễn Quang H là bà Phan Ngọc T, chị Nguyễn Phan Ngọc H1 là vợ và con ông H phải có nghĩa vụ trả cho ông M 147.400.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định, tính từ ngày 19/12/2006 cho đến khi xét xử xong.

Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Quang H là bà Phan Ngọc T trả số tiền 132.590.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 25/11/2005 cho đến khi xét xử, đồng ý khấu trừ số tiền 19.400.000 đồng tiền lãi đã nhận. Rút một phần về việc yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H là chị Nguyễn Phan Ngọc H1, chỉ yêu cầu bà T trả nợ trong phạm vi di sản của ông H.

Theo tự khai, bản tự khai trước đây khi còn sống bị đơn là ông Nguyễn Quang H trình bày:

Năm 2005, ông làm Chủ nhiệm Hợp tác xã N11. Ông có ký hợp đồng với ông M để mua dầu, nhớt chạy máy bơm nước chống úng vụ Thu Đ7 năm 2005 cho xã viên Hợp tác xã. Khi ký hợp đồng, ông đứng tên cá nhân mua nhưng thực tế là ông nhận làm cho Hợp tác xã, nội dung mua bán như ông M trình bày. Tuy nhiên, đến cuối vụ thì Hợp tác xã thanh toán cho ông M không đầy đủ do thu nợ của xã viên không đạt. Vì vậy, còn nợ tiền dầu, nhớt của ông M là 81.500.000 đồng. Ngoài ra, trong thời gian này, ông có vay dùm cho Hợp tác xã số tiền 50.000.000 đồng của ông M với lãi suất là 5%/tháng và có thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như ông M đã trình bày. Đối với khoản vay này, ông và Hợp tác x đã trả cho ông M được 35.400.000 đồng tiền gốc và 7.500.000 đồng tiền lãi, còn nợ 14.600.000 đồng tiền vay gốc. Tổng hai khoản nợ gốc của ông M là 96.100.000 đồng ông H thừa nhận vào ngày 17/01/2006, ông có viết tờ giấy nợ ông M với số tiền là 157.200.000đ và hẹn đến ngày 24/4/2006 sẽ trả dứt, nhưng cho rằng khi viết giấy này ông bị vợ chồng ông M ép buộc. Nay ông M khởi kiện ông với yêu cầu buộc ông phải trả vốn gốc và lãi hai khoản nêu trên thì ông không đồng ý với lý do số nợ này là nợ chung của Hợp tác xã nên Hợp tác xã phải trả cho ông M. Đồng thời, ông đề nghị ông M phải giảm lãi và tính toán lại số tiền đã thanh toán.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Quang H bà Phan Ngọc T có lời khai trình bày:

Bà T và ông H là vợ chồng, ông H trước đây làm chủ nhiệm hợp tác xã N11 có hợp đồng mua bán nhớt với ông M để phục vụ công việc cho Hợp tác xã, do chưa thanh toán hết nợ nên ông M làm đơn khởi kiện. Nay ông M yêu cầu bà T, chị H1 phải có trách nhiệm trả số nợ mà ông H chưa trả thì bà không thống nhất vì đây là không phải là nợ cá nhân ông H mà là nợ chung của Hợp tác xã. Hợp tác xã phải có trách nhiệm trả cho ông M số tiền còn thiếu. Bà T và chị H1 không có trách nhiệm phải trả số tiền trên.

Theo bản tự khai, lời khai người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thiện T2 trình bày :

Vào tháng 10/2005, Hợp tác xã N11 có yêu cầu ông H là Chủ nhiệm Hợp tác xã đứng ra mua dầu và vay tiền của ông M. Nội dung và hình thức như ông M và ông H đã trình bày. Tuy nhiên, do thu hoạch vụ lúa Thu Đông năm 2005 không đạt năng suất nên việc thu nợ trong nông dân và xã viên không đủ để trả nợ cho ông M. Vì vậy, đến nay còn nợ lại ông M 02 khoản (dầu,vay) vốn gốc là 96.100.000 đồng. Ông T2 đồng ý Hợp tác xã N11 sẽ trả số nợ nêu trên và xin giảm lãi. Khi nào thu hồi được số nợ của nông dân còn thiếu thì sẽ thanh toán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn N1 (tức P): Ông được Hợp tác xã N11 thuê chạy máy bơm nước để rút nước chống úng cho vụ Thu Đ7 năm 2005 nên ông H và Hợp tác xã có giao trách nhiệm cho ông đi nhận dầu, nhớt tại cửa hàng của ông M. Theo ông được biết thì lúc đầu ông M không đồng ý bán dầu cho Hợp tác xã nên ông H mới đứng ra mua dầu cho Hợp tác xã với tư cách cá nhân. Thực tế thì dầu này do Hợp tác xã sử dụng để bơm nước cho xã viên và nông dân. Việc thiếu nợ tiền dầu và tiền vay cụ thể bao nhiêu thì ông không rõ. Theo ông thì ông H và Hợp tác xã phải có trách nhiệm trả nợ cho ông M, ông không có trách nhiệm đối với các khoản nợ này.

Theo Bản tự khai, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang N trình bày: Vào năm 2005, ông có cho ông H mượn 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 4.87m^2 đứng tên ông để thế chấp vay tiền mua dầu chạy máy. Việc ông H thế chấp vay của ai và vay bao nhiêu thì ông không biết. Ông H có hứa là đến khi thu hoạch xong vụ lúa thì sẽ trả nợ và chuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả cho ông. Ông N yêu cầu ông H trả nợ cho ông M để chuộc giấy trên trả lại cho ông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn tỉnh An Giang đã xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn M (do bà Nguyễn Thị K đại diện).

Đình chỉ phần yêu cầu đối với chị Nguyễn Phan Ngọc H1 cùng với bà Phan Ngọc T phải trả số tiền vốn và lãi phát sinh.

Buộc ông Nguyễn Quang H người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Phan Ngọc T, phải trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền vốn, lãi tổng cộng là 492.065.925 đồng *(Bốn trăm chín mươi hai triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn chín trăm hai mươi lăm đồng)* trong phạm vi di sản thừa kế của ông H để lại.

Buộc ông Nguyễn Văn M phải trả lại cho ông Nguyễn Quang H người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Phan Ngọc T, 01 giấy chứng nhận QSD đất số 02720QSDĐ/fH cấp ngày 21/12/1993 mang tên Lê Quang N để trả lại cho ông N.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo, án phí và thi hành án của đương sự

Ngày 01/10/2023, bà Phan Ngọc T kháng cáo với nội dung yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Bà T trình bày: Ông H mua dầu nhớt và vay cho Hợp tác xã N11, được người hợp tác xã thừa nhận nên nợ này của Hợp tác xã. Ông H chồng bà đã chết nhưng cấp sơ thẩm vẫn tính lãi cho người chết là không đúng.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Cấp sơ thẩm căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do ông H xác nhận mua dầu nhớt, vay tiền và cam kết trả nợ. Hội đồng cấp phúc thẩm đã tạo điều kiện nhưng các bên không thỏa thuận được về gia giảm lãi cũng như thiện chí trả tiền nợ. Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng vụ án: Việc chấp hành pháp luật của đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm căn cứ vào Hợp đồng mua bán dầu nhớt giữa DNTN Khoe Mân với ông Nguyễn Quang H, biên nhận nhận nợ, cam kết trả nợ của ông H; theo nội dung không có nội dung đề cấp đến HTX N11 nên mua bán này là giữa ông H với cửa hàng X. Quá trình giải quyết, ông H chết, không để lại di chúc, cấp sơ thẩm đưa hàng thừa kế thứ nhất vào tham gia tố tụng, bà Phan Ngọc T là vợ, bà hưởng toàn bộ di sản nên bà chịu nghĩa vụ do ông H để lại trong phạm vi hưởng di sản là phù hợp pháp luật.

Về lãi suất: Theo nội dung thỏa thuận, tiền lãi 2%/tháng, cấp sơ thẩm điều chỉnh theo quy định của Bộ luật dân sự 2005 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là có căn cứ, nên buộc bà T phải có nghĩa vụ trả vốn, lãi: 492.065.925đ là có cơ sở và buộc ông M trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Quang N cho bà T để bà T trả lại cho ông N là đúng pháp luật.

Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án dân sự số: 96/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn. Bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Phan Ngọc T trong hạn luật định và có nộp tiền tạm ứng kháng cáo nên được Hội đồng xét xử xem xét nội dung kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát không có kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bà Nguyễn Phan Ngọc H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ Luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng mua bán nhiên liệu ngày 10/8/2005 và được bổ sung ngày 01/10/2005 có nội dung là "Bên A: ông Nguyễn Quang H; Bên B: Nguyễn Văn M chủ Cửa hàng X1 – Mân. Điều 1: Bên A nhận mua và bên B đồng ý bán dầu, nhớt...và tại Điều III: Hình thức thanh toán: Bên A sẽ trả 50% mỗi lần nhận dầu, số dầu còn lại sẽ trả theo giá thời điểm thanh toán với lãi suất 2%. ..".

Ông H còn vay 50.000.000 đồng có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02720QSDĐ/fH cấp ngày 21/12/1993 mang tên Lê Quang N. Vậy, có căn cứ xác định giao dịch mua bán dầu, nhớt và vay tài sản chỉ diễn ra giữa ông H với D9 do ông M là chủ doanh nghiệp. Bên ông M không thừa nhận bán dầu, nhớt và cho vay liên quan tới Hợp tác xã N11. Trong hồ sơ vụ án, giữa HTX N11 có thỏa thuận để ông H mua dầu, nhớt và vay dùm nên thỏa thuận này là thỏa thuận làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa ông H với HTX N11, nhưng ông M không đồng ý chuyển giao nghĩa vụ nên ông H phải chịu nghĩa vụ đối với khoản nợ từ hợp đồng mua bán và vay tài sản.

Trong quá trình tố tụng, ông H chết nên Tòa án đưa hàng thừa kế thứ nhất tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H. Bà Phan Ngọc T là vợ của ông H, là người duy nhất nhận di sản của ông H nên phải chịu nghĩa vụ của ông H để lại trong phạm vi di sản của ông H mà bà T được hưởng là đúng quy định pháp luật.

Theo nội dung cam kết ngày 17/01/2006, ông Nguyễn Quang H thừa nhận còn nợ của ông Nguyễn Văn M số tiền tổng cộng là 157.200.000 đồng. Tuy nhiên, ông M xác nhận ông H còn nợ tiền dầu, nhớt 82.590.000 đồng và tiền vay 50.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng và có thế chấp 01 giấy chứng nhận QSD đất mang tên Lê Quang N, cộng 02 khoản nợ: 132.590.000 đồng, xác nhận này có lợi cho ông H và tính lãi từ ngày 25/11/2005 là có cơ sở.

Cách tính lãi suất theo Bộ Luật dân sự 2005 của cấp sơ thẩm xác định tại thời điểm xác lập hợp đồng năm 2005 và điều khoản chuyển tiếp để áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không điều chỉnh về lãi suất và cách tính lãi.

Về thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Quang N để vay nợ giữa ông Nguyễn Quang H và ông Nguyễn Văn M là trái pháp luật. Tuy nhiên, việc thế chấp này có sự đồng ý của ông Lê Quang N nên cần buộc ông Nguyễn Văn M phải trả lại cho bà T để bà T trả lại cho ông Lê Quang N.

Trường hợp, hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Quang H và Hợp tác xã N11 mà không thỏa thuận được với nhau về các khoản nợ do ông H có thỏa thuận với Hợp tác xã về mua, vay dùm thì các bên có quyền khởi kiện theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Phan Ngọc T như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí phúc thẩm: kháng cáo của bà T không được chấp nhận nên bà T phải án phí dân sự phúc thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Ngọc T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 96/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn tỉnh An Giang

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn M (do bà Nguyễn Thị K đại diện).

Đình chỉ phần yêu cầu đối với chị Nguyễn Phan Ngọc H1 cùng với bà Phan Ngọc T phải trả số tiền vốn và lãi phát sinh.

Buộc ông Nguyễn Quang H người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Phan Ngọc T, phải trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền vốn, lãi tổng cộng là 492.065.925 đồng *(Bốn trăm chín mươi hai triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn chín trăm hai mươi lăm đồng)* trong phạm vi di sản thừa kế của ông H để lại.

Buộc ông Nguyễn Văn M phải trả lại cho ông Nguyễn Quang H người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Phan Ngọc T, 01 giấy chứng nhận QSD đất số 02720QSDĐ/fH cấp ngày 21/12/1993 mang tên Lê Quang N để trả lại cho ông N.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Quang H người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Phan Ngọc T.

- Ông Nguyễn Văn M được nhận lại số tiền tạm ứng 3.685.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn đồng)* theo phiếu thu số 042640 ngày 20/12/2006 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Ngọc T phải chịu án phí 300.000đ trừ vào tiền tạm ứng kháng cáo theo Biên lai số: 0012204 ngày 27/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn cáo kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Hội đồng xét xử phúc thẩm đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hưng **Lâm Thuận Tùng** **Đào Chí Keo**